

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HS-ST

Ngày 23-02-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thụ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Nông Thị Vân, Phó Chánh thanh tra Sở y tế tỉnh Cao Bằng.

+ Bà Vương Ánh Ngân, Phó Giám đốc trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Cao Bằng.

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đinh Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông Đàm Đình Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tổ chức xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2023/TLST - HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Văn H**, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1998, tại huyện T, tỉnh Cao Bằng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nông Văn C, sinh năm 1975; Con bà: Nông Thị Q, sinh năm 1974; Vợ: Nông Thị N, sinh năm 2002, cùng làm ruộng và trú tại xóm L, xã Đ, huyện T, **Cao Bằng** Bị c có 02 anh em, là con út; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 24/10/2022 đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Hoàng Văn K**, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2003 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hoàng Văn X, sinh năm 1980; Con bà: Hoàng Thị N1 sinh năm 1979, cùng trú tại: xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo có 02 anh em, là con cả; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **C3**, có mặt.

3. Họ và tên: **Nông Văn S**, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2003, tại huyện T, Cao Bằng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nông Văn C1, sinh năm 1978 (đã chết); Con bà: Nông Thị L, sinh năm 1978, nghề nghiệp: Làm ruộng, trú tại: Xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo có 02 chị em, là con út; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **C3**, có mặt.

4. Họ và tên **Nông Ích C2**, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2003, tại huyện T, Cao Bằng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nông Ích K1 sinh năm 1977; Con bà: La Thị H1 sinh năm 1976 cùng làm ruộng và trú tại: Xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo có 02 chị em ruột, là con út; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **C3**, có mặt.

5. Họ và tên: **N1**, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2005 tại huyện T, Cao Bằng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: **N2**, sinh năm 1976; Con bà: Ngọc Thị V, sinh năm 1976 cùng lao động tự do và trú tại: Xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo có 02 chị em, là con

út; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam kể từ ngày 28/9/2022 đến ngày 17/11/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Nông V1** H2 và **H10** giúp viên pháp lý **Trung tâm T** (bào chữa theo quy định của pháp luật); có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo **Nông V1** H2 Ông Nông Văn H3 sinh năm 1976 (Bố đẻ bị cáo H2) tại: xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Nông Ích C2**: Luật sư Trần Thị T1 văn phòng luật sư **Nguyễn Thị T2** đoàn luật sư tỉnh C4 (bào chữa theo quy định của pháp luật); có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 20 phút ngày 27/9/2022 tổ công tác **Công an huyện T** nhiệm vụ tại **xóm H, xã L, huyện T** 04 xe mô tô trên xe có 08 người (mỗi xe 02 người) đang di chuyển về hướng **thị trấn T, huyện T** nghi vấn về hành vi nhập cảnh trái phép, tổ công tác ra hiệu lệnh dừng xe để kiểm tra, tuy nhiên 04 xe máy không chấp hành hiệu lệnh mà tăng ga bỏ chạy, một số người nhảy ra khỏi xe máy và lẩn trốn vào ruộng ngô; tiến hành truy tìm phát hiện 03 người Trung Quốc không có giấy tờ nhập cảnh đang ẩn nấp tại ruộng ngô (gồm Triệu Hân V1, sinh năm 1997; Lưu Nguyên Q1, sinh năm 1977 cùng trú tại tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc; Trần Chí L1, sinh năm 1988 trú tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc); phát hiện 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11Z1 – 9527; 01 chiếc biển kiểm soát 11K1 – 039.96 do đối tượng bỏ chạy để tại bên lề đường. Tổ công tác tiến hành lập biên bản vụ việc để điều tra làm rõ.

Mở rộng điều tra xác định được như sau: Ngày 24/9/2022 **Nông Văn H2** một người Trung Quốc tên là S1 liên lạc qua Wechat thuê Hchở 04 (Bốn) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ **xóm L, xã L, huyện T đến thành phố C** số tiền công là 7.000.000 đồng/01 người, Hđồng ý. Đến khoảng 21 giờ ngày 25/9/2022, Hthuê **Hoàng Văn K1** người và dùng 04 chiếc xe mô tô để chở người đến **thành phố C** tiền công là 6.000.000 đ/01 người, Kđồng ý. Tiếp đó **Krủ Nông V2** H2 **Nông Văn S** **Nông Ích Cao** cùng tham gia; rồi KH2SCao mỗi người điều khiển 01 chiếc xe mô tô đến ngã ba P, **xã C** người, chờ đến khoảng 02 giờ ngày 26/9/2022 thì được Hành thông báo người Trung Quốc chưa sang được nên cả 04 người đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ ngày 26/9/2022 **H3** báo cho **K2** tục đi đón người, sau đó KH2SCao cùng hẹn gặp nhau tại ngã 3 P, **xã C** mỗi người điều khiển một xe mô tô đi đến **xóm L, xã L, huyện T** người, khi đi đến khu vực dốc **xóm L** khoảng 24 giờ cùng ngày, thì KH2SC2 được một người đàn ông đeo khẩu trang dùng đèn pin

ra tín hiệu dừng xe và gọi 04 người Trung Quốc từ trong bụi rậm đi ra, khi 04 người Trung Quốc lên xe của KH2SC2 thì người đàn ông trên *dùng điện thoại quay Camera hình ảnh người Trung Quốc và bảo 04 xe di chuyển. Nhận được người Khái, H2SCao chở 04 người Trung Quốc hướng ra thành phố C để giao người, nhưng khi đi đến địa phận xóm H, xã L, huyện T* tổ công tác Công an huyện T dừng xe, thấy vậy KS bỏ lại xe mô tô và 02 người Trung Quốc tại lề đường chạy trốn lên đồi, còn H2 cùng C2 cho 02 người Trung Quốc xuống xe tăng ga chạy thoát; tổ công tác tiến hành truy tìm phát hiện 03 người Trung Quốc đang ẩn nấp tại ruộng ngô, còn 01 người chạy thoát. Biết hành vi bị phát hiện nên Nông Văn H, Hoàng Văn KNông V3 H2Nông Văn SNông Ích C2 đã đến cơ quan chức năng đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKSCB-P1 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Nông Văn H, Hoàng Văn KNông V3 H2Nông Văn SNông Ích C2 về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát khẳng định quyết định truy tố các bị cáo Nông Văn H, Hoàng Văn KNông V3 H2Nông Văn SNông Ích C2 là có căn cứ.

Trong vụ án này, cả 5 bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo đều ra đầu thú nên được áp dụng khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị như sau:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điều 17; điểm s khoản 1; khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nông Văn H từ 24 đến 30 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Hoàng Văn K từ 24 đến 30 tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điều 17; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nông Văn S1 18 đến 24 tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điều 17; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nông Ích C2 từ 18 đến 24 tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điều 17; điểm s khoản 1; khoản 2 điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nông V2 H2 từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.
- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông V2 H2 và Hoàng Văn K3 bày luận cứ:* Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo, tuy nhiên cần xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn nhận tội và ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có 2 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và ra đầu thú nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Nông Văn H4 thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án treo thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát. Về án phí: Bị cáo H2 là người dưới 18 tuổi phạm tội và bị cáo K4 người sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự cho cả hai bị cáo K5 H2 theo quy định.

Bị cáo K6 hưởng mức án thấp nhất, không áp dụng hình phạt bổ sung vì các bị cáo chưa được hưởng lợi.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Í Cao trình luận cứ:* Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo, tuy nhiên cần xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn nhận tội và ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo ra đầu thú nên cần áp dụng khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Đề nghị cho bị cáo Nong Í1 C3 được hưởng mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị. Không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo chưa được hưởng lợi. Đối với điện thoại di động của bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội đề nghị xử lý theo pháp luật.

Các bị cáo đều nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung, không có tranh luận với đại diện viện kiểm sát;

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội; đối với quan điểm của người bào chữa không có mâu thuẫn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Trong lời nói sau cùng, cả 05 bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh CĐiều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tiếp nhận người đầu thú; Bản tự khai; Biên bản ghi lời khai; Dữ liệu điện tử trích xuất từ điện thoại thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tranh luận tại phiên tòa đã đủ căn cứ kết luận:

Ngày 26/9/2022, **Nông Văn H2** một người Trung Quốc thuê đến xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng chở 04 (Bốn) người Trung Quốc đến **thành phố C** tiền công là 7.000.000 đồng/01 người; tiếp đó Hành thuê Hoàng Văn K, **Nông Văn H** Văn SNông Ích Cao chở người với tiền công 6.000.000 đồng/01 người. Khoảng 20 giờ ngày 26/9/2022 K, H2SCao mỗi người điều khiển một xe mô tô đến **xóm L, xã L** chở 04 (Bốn) người **Trung Quốc đến T** khoảng 00 giờ 20 phút ngày 27/9/2022 khi KH2SC3đang di chuyển đến **xóm H, xã L** bị tổ công tác Công an huyện Tphát hiện ngăn chặn.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi tổ chức cho 04 (Bốn) công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh.

[3] Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này bị cáo **Nông Văn H5** người giữ vai trò chính, trực tiếp trao đổi với người đàn ông Trung Quốc việc đón 04 (Bốn) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để được trả

tiền công; bị cáo **K5** SH2Cao cùng tham gia với vai trò giúp sức. Các bị cáo đều là đồng phạm giản đơn cùng thực hiện hành vi phạm tội.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo **Nông V2** H2chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng mức hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân*: Cả 5 bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo HSC3H2không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo **K7** chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Xúi giục người chưa thành niên phạm tội*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Cả 05 bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và người phạm tội ra đầu thú quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự;

[5] Về hình phạt bổ sung: cả 05 bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: 03 điện thoại di động các bị cáo có liên quan đến hành vi phạm tội thì tịch thu phạt mại lấy tiền nộp ngân sách nhà nước; 01 điện thoại của ông **Nông V2** H3do bị cáo H2mang đi liên lạc nhưng ông H3không biết nên cần trả lại cho ông H3sử dụng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về tội danh, mức hình phạt, về xử lý vật chứng là có căn cứ chấp nhận.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo và về án phí là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với người Trung Quốc thuê **Nông Văn H6** chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể, nên không có căn cứ để thực hiện tương trợ tư pháp.

Đối với người đàn ông giao người cho KH2SC3Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để mở rộng điều tra theo quy định.

Đối với 04 (Bốn) công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép, ngày 28/9/2022 Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh C** bàn giao người cho Phòng Q2Công an tỉnh Để xử lý và trục xuất về nước theo quy định.

[10] Về án phí: Các bị cáo **Nông Văn HNông Văn SNông Í2** C2phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo **Nông V2** H2là người dưới 18 tuổi và bị cáo **Hoàng Văn K8** người sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Các bị cáo **Nông Văn HHoàng Văn KNông Văn H7**, Nông Văn SNông Ích C2phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nông Văn H 02** (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo **vào trại** chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn K9 (H8)** năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam, ngày 01/10/2022.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nông Văn S2** (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 01/10/2022.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nông Ích C** (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 01/10/2022.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 101; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nông V2** H2 **15** (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Nông V2** H2 cho **Ủy ban nhân dân xã C**, tỉnh Cao Bằng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách nhà nước:*

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại của bị can Hoàng Văn K (điện thoại cảm ứng nhãn hiệu REALME màu xanh dương). Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh C

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại của bị can Nông Văn S (điện thoại cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu xanh dương). Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan A.NĐT C3

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại của bị can Nông Ích Cao (điện thoại cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu xanh ngọc). Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh C

Trả lại ông Nông Văn H9: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động thu giữ của ông Nông Văn H3 bỏ để của Nông Văn H2 nhãn hiệu OPPO màu đồng". Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT C3

Xác nhận toàn bộ số vật chứng nêu trên đã chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số 58 ngày 07 tháng 02 năm 2023.

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nông Văn HNông Văn HNông Văn Í2 C2 mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao về một số vướng mắc trong công tác xét xử (Tại mục 6 phần II). Bị cáo **Nông V2 H2** và bị cáo **Hoàng Văn K10** miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo **Nông Văn H**, **Hoàng Văn K**, **Nông Văn H7**, **Nông Văn SN**, **Nông Ích C2** có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo **Nông V2 H2** ông **Nông V2 H3** có mặt có quyền kháng cáo bản án thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CQANDT CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh; PC 10;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNV&THA;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Hình sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT**  
**XỬ**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**  
**TÒA**

**Hoàng Văn Thụ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Thị Vân**      **Vương Ánh**  
**Ngân**

**Hoàng Văn Thụ**

